

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**

**thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch hành động thực hiện như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Mục đích**

- Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, bảo đảm toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị trong tỉnh nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, tạo quyết tâm chính trị, sự đồng thuận cao của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, doanh nghiệp và Nhân dân trong tổ chức thực hiện.

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương<sup>1</sup>, của Tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành các mục tiêu, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài và công nghệ.

- Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về hạ tầng, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Từng bước xây dựng chính quyền số, thúc đẩy nhanh kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên

<sup>1</sup> Như: Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị,...

cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao,... phù hợp với thực tiễn các ngành, lĩnh vực và các địa phương, đơn vị.

- Thực hiện tốt Kế hoạch hành động để đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quê hương, đất nước; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

## **2. Yêu cầu**

- Việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW phải nghiêm túc, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; tập trung những lĩnh vực ưu tiên, có trọng tâm, trọng điểm, có tính lan tỏa tạo ra giá trị gia tăng cao; không dàn trải, hình thức và theo phong trào.

- Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo từng giai đoạn 5 năm, bảo đảm khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình thực hiện rõ ràng; phân công trách nhiệm cụ thể cho các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; đề cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng mục tiêu, lộ trình, cách thực hiện; khuyến khích Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tích cực tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực; xây dựng phong trào thi đua trong nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình tiêu biểu.

- Huy động và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, nhất là nguồn ngân sách Nhà nước; ưu tiên đầu tư cho khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo (đặc biệt là các mô hình kết hợp công - tư, quỹ đầu tư,...), bảo đảm công khai, minh bạch trong huy động và sử dụng các nguồn lực; chú trọng triển khai thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, bảo đảm đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo đúng quy định.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

- Phát triển nhanh, vững chắc khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trở thành động lực quan trọng, đột phá thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; góp phần xây dựng Thanh Hóa đến năm 2030 trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, người dân có mức sống cao hơn bình quân chung của cả nước, đến năm 2045 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hiện đại, phát triển toàn diện và kiểu mẫu của cả nước.

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng kinh tế GRDP.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực chất lượng cao trong và ngoài nước cho sự phát triển nhanh và bền vững của Tỉnh.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp tiện ích, dịch vụ số thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào hoàn thành thắng lợi mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2025, năm 2030, năm 2035, năm 2040, năm 2045 gồm 05 nhóm chỉ tiêu với 79 chỉ tiêu phát triển cụ thể: (1) Nhóm phát triển hạ tầng 05 chỉ tiêu; (2) Nhóm phát triển nguồn lực 09 chỉ tiêu; (3) Nhóm phát triển khoa học, công nghệ 12 chỉ tiêu; (4) Nhóm phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo 16 chỉ tiêu; (5) Nhóm phát triển chuyển đổi số 37 chỉ tiêu (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch*).

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

*1.1. Thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:* Kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Ban Chỉ đạo cấp tỉnh), do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy là Trưởng ban, Văn phòng Tỉnh ủy là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; thành lập Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đồng chí Bí thư cấp ủy làm Trưởng ban. Bố trí cán bộ chuyên trách tham mưu

triển khai thực hiện Nghị quyết; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp.

### *1.2. Ban hành kế hoạch, các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện*

- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; trong đó, xác định rõ nội dung, thời gian hoàn thành, sản phẩm, chỉ tiêu cụ thể cần đạt được (*hoàn thành trước ngày 15/5/2025*).

- Kịp thời ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nội dung trong Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Quốc hội, các ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cụ thể hóa vào các quy hoạch, kế hoạch trung hạn và dài hạn, chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tất cả các ngành, lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của tỉnh và các địa phương, cơ quan, đơn vị.

### *1.3. Lồng ghép nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh*

- Tích hợp các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị vào quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

- Lồng ghép các nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết; trong đó, chỉ tiêu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là một trong những chỉ tiêu phát triển quan trọng để tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành.

*1.4. Thành lập Tổ tư vấn cấp tỉnh:* Mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong và ngoài tỉnh tham gia để tham mưu, tư vấn, phản biện cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh các nội dung về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (*hoàn thành trong tháng 5/2025*).

### *1.5. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp*

- Thường trực ban chỉ đạo và từng thành viên ban chỉ đạo trong các cấp ủy chỉ đạo kịp thời, hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; thường xuyên theo dõi, giám sát, đôn đốc tiến độ thực hiện và chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc, bảo đảm các nội dung Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được triển khai đồng bộ, hiệu quả từ tỉnh đến cơ sở.

- Xây dựng quy chế làm việc, cơ chế phối hợp, phân công nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và từng thành viên ban chỉ đạo trong tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, những vấn đề mới, các cơ quan, đơn vị kịp thời tổng hợp, đề xuất với cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác phối hợp, bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả, huy động sự tham gia của tất cả các cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh.

## **2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông**

*2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan kịp thời, sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân*

- Nội dung quán triệt tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, của các cấp ủy thực hiện Nghị quyết, gắn với nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tế của tỉnh và từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổ chức các hình thức học tập, quán triệt đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu,...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

- Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trên các cơ quan thông tấn, báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội; tăng cường tuyên truyền các mô hình hay, sáng tạo, cách làm thành công, kịp thời phát hiện và tôn vinh các tập thể, cá nhân điển hình.

- Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ hiểu, dễ tiếp cận, phù hợp với nhiều đối tượng (video clip, infographic, mạng xã hội,...).

- Mời chuyên gia, nhà khoa học có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tham gia chia sẻ, truyền đạt.

*2.2. Xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá*

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết bảo đảm chất lượng, phù hợp với tình hình thực tế; phải xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là đột phá trong thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của địa phương, cơ quan, đơn vị. Kế

hoạch phải xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cần đạt được đối với từng giai đoạn (đến hết năm 2025, năm 2030, năm 2035, năm 2040, năm 2045).

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, kết quả cần đạt được và thời hạn hoàn thành đối với từng nhiệm vụ; xác định rõ nguồn lực thực hiện (như: nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất,...), bảo đảm khả thi trong tổ chức thực hiện.

### *2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW*

- Người đứng đầu các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ở lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách; gương mẫu đi đầu và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tập thể, cá nhân, xác định rõ thời gian hoàn thành, chỉ tiêu, kết quả cần đạt được theo giai đoạn và từng năm; chỉ đạo xây dựng phương pháp, cách thức đánh giá, đo lường kết quả thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ tại địa phương, cơ quan, đơn vị, lĩnh vực phụ trách.

- Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức hằng năm.

### *2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng*

- Huy động các cơ quan thông tấn, báo chí của Tỉnh và của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin các ban, sở, ngành, đơn vị; đa dạng hóa hình thức truyền thông (báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội,...) để phổ biến vai trò, tầm quan trọng và lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (cổng/trang thông tin điện tử, bản tin, chuyên mục phát thanh, truyền hình,...) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng chương trình nội dung truyền thông riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, học sinh, sinh viên, doanh nghiệp, người dân,...).

- Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tham gia tuyên truyền, lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

2.5. *Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trên môi trường số*: Xây dựng, ban hành quy tắc ứng xử văn hóa, đạo đức nghề nghiệp trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phát triển kỹ năng số, xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trên môi trường số.

### 3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo đột phá

3.1. *Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật*<sup>2</sup> thuộc thẩm quyền của tỉnh hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số; khuyến khích người dân sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số; tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đổi mới cơ chế đặt hàng nghiên cứu khoa học, đặc biệt là cơ chế tài chính theo hướng khoán đến sản phẩm cuối cùng.

3.2. *Xây dựng quy hoạch, kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2025 - 2045*, đồng bộ với quy hoạch tỉnh Thanh Hóa tầm nhìn đến năm 2045. Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân thực hiện thành công các quy hoạch, kế hoạch, biến tiềm năng, lợi thế thành động lực phát triển trong thời gian sớm nhất. Ban hành Chương trình khung và danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ưu tiên thực hiện làm căn cứ để xây dựng, triển khai các dự án trọng điểm thuộc các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, góp phần thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.3. *Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội*: Ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (thúc đẩy hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, sáng chế, giải pháp hữu ích, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao chất lượng, số lượng bài báo quốc tế, giải thưởng khoa học và công nghệ,...); các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa

<sup>2</sup> Các quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng,...

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới phương thức đầu tư hợp tác công - tư cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu.

3.4. *Tạo cơ chế, điều kiện chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox) có kiểm soát rủi ro:* Nghiên cứu xây dựng cơ chế thí điểm, tạo điều kiện để doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước; thực hiện cơ chế, chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan theo quy định. Xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

3.5. *Xây dựng quỹ phát triển khoa học - công nghệ, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp.* Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (hợp tác công - tư, quỹ đầu tư mạo hiểm,...). Thu hút, huy động, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo phương châm “lấy đầu tư công làm vốn mồi, dẫn dắt, thu hút đầu tư ngoài xã hội”, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ.

3.6. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo; rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, khởi nghiệp (startup) tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

3.7. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; xem xét, ưu tiên các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới và khu vực đặt trụ sở tại tỉnh.

3.8. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp các cấp liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn với thực hiện tốt Nghị quyết số 57-NQ/TW tại địa phương, cơ quan, đơn vị.



3.9. *Xây dựng chương trình, kế hoạch đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 - 2030*, trong đó, đề xuất ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

3.10. *Nghiên cứu thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách Nhà nước* để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ.

#### **4. Phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số đồng bộ, hiện đại**

4.1. Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng; lồng ghép chiến lược tổng thể phát triển hạ tầng số vào quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4.2. Quy hoạch, phát triển hạ tầng số<sup>3</sup> đồng bộ với các hạ tầng kỹ thuật khác, như: Giao thông, điện, chiếu sáng, cấp thoát nước, hạ tầng các công trình ngầm,... Ưu tiên phát triển hạ tầng số trong các khu vực trọng điểm, như: Khu Kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp Bim Sơn, Lam Sơn - Sao Vàng, Lễ Môn..., bảo đảm kết nối, liên thông; thúc đẩy chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương.

4.3. Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (công nghệ mạng di động 4G, 5G, cáp quang) đến các vùng sâu, vùng xa; nâng cấp đường truyền cho cơ quan Đảng, Nhà nước, trường học, bệnh viện, khu công nghiệp, đô thị.

4.4. Xây dựng hoặc thuê dịch vụ trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao, quy mô đủ lớn; xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số; hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp và khu công nghệ cao.

4.5. Công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành; cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch.

4.6. Đưa các hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

<sup>3</sup> Trọng tâm là: Hạ tầng viễn thông và Internet; hạ tầng dữ liệu; hạ tầng vật lý số; hạ tầng tiện ích số và công nghệ số.

4.7. Ứng dụng các giải pháp công nghệ<sup>4</sup> trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai, giải quyết các vấn đề về môi trường, xã hội; thúc đẩy phát triển nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

4.8. Nghiên cứu rà soát, bổ sung quy hoạch các khu công nghệ cao, có giải pháp thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp chip bán dẫn, điện tử, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, phần mềm, nội dung số; công nghệ sinh học, công nghệ gen, công nghệ vật liệu mới; hình thành, phát triển khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung.

4.9. Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và các ngành công nghiệp chiến lược.

4.10. Rà soát, đầu tư nâng cấp, bổ sung cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung cho các trung tâm dữ liệu của tỉnh (tại Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh), đảm bảo 100% cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được kết nối mạng, vận hành thông suốt, an toàn các ứng dụng phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc.

## **5. Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển**

*5.1. Hình thành và phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển*

- Xây dựng, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; hình thành Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Hồng Đức và Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa tại Khu Trung tâm Công nghệ thông tin (Sở Khoa học và Công nghệ).

- Xây dựng hoặc nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo tại Khu Trung tâm Công nghệ thông tin, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, Trường Đại học Hồng Đức; tăng cường thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, các trường đại học, viện nghiên cứu có uy tín trong và ngoài nước.

- Tạo điều kiện kết nối Viện - Trường - Doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

*5.2. Khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo*

- Xây dựng chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại tỉnh Thanh Hóa, nhất là lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

<sup>4</sup> Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), hệ thống thông tin địa lý (GIS),...

- Tăng cường hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn,...; kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư, cộng đồng cổ vấn cho các dự án khởi nghiệp của tỉnh.

### 5.3. Nâng cao năng lực nghiên cứu

- Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết các vấn đề bức thiết, như: Quản trị thông minh tại các cơ quan hành chính nhà nước và doanh nghiệp; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp chiến lược<sup>5</sup>; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; quản lý đất đai, bảo vệ môi trường; phát triển y tế, giáo dục, du lịch, kinh tế biển,...

- Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước; thúc đẩy, khuyến khích các nhà khoa học nghiên cứu và công bố công trình khoa học, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Thúc đẩy hình thành bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D) trong các doanh nghiệp, phục vụ việc nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ sản xuất, kinh doanh, góp phần tăng năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; thành lập các doanh nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ nhằm tăng số lượng và quy mô các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

- Duy trì và phát triển các sản phẩm đã xây dựng được thương hiệu, xây dựng sản phẩm mới, sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm chủ lực đáp ứng yêu cầu của thị trường; phát triển tài sản trí tuệ và tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa trở thành công cụ hữu hiệu thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới. Phát huy vai trò của địa phương, doanh nghiệp trong việc chủ trì, đăng ký bảo hộ và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm gắn với địa danh, loại hình dịch vụ có thể mạnh của địa phương.

- Xây dựng và đưa vào hoạt động Sàn giao dịch công nghệ - thiết bị tỉnh Thanh Hóa để thực hiện vai trò đầu mối cung cấp thông tin, kết nối cung cầu, xúc tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Tiếp tục tăng cường, đổi mới quan hệ giữa doanh nghiệp và nhà khoa học, trong đó Sở Khoa học và Công nghệ đóng vai trò là cầu nối, hình thành mối quan hệ doanh nghiệp - nhà nước - nhà khoa học nhằm giải quyết các yêu cầu đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp.

### 5.4. Nâng cao công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chi thị 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

<sup>5</sup> Như: Công nghệ môi trường, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hoá,...

trong các ngành, lĩnh vực để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; đưa nội dung công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng vào trong kế hoạch phát triển kinh tế của ngành, địa phương.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, hiện đại hoá hệ thống phòng kiểm định kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Đẩy mạnh các giải pháp về chuyển đổi số, ứng dụng mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất khẩu.

## **6. Xây dựng chiến lược 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

*6.1. Đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao*

- Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

- Cụ thể hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng Đề án thu hút, đào tạo phát triển nguồn nhân lực khoa học, kỹ thuật chất lượng cao, trọng dụng nhân tài vào công tác tại các cơ quan trong hệ thống chính trị.

*6.2. Bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức*

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số,...) cho lãnh đạo các cấp; định kỳ tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là trong hoạt động hành chính công.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyên đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập,...

*6.3. Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của tỉnh, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường*

- Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

- Khuyến khích sinh viên thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ; thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề.

- Rà soát, xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nhất là lĩnh vực chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing), có tầm nhìn chiến lược đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

#### *6.4. Tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực*

- Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước trong đào tạo nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,...

- Mời các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín, các doanh nhân tham gia giảng dạy; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập. Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại các doanh nghiệp.

*6.5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành:* Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất về nhân lực khoa học công, nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

#### *6.6. Thu hút nhân tài, chuyên gia*

- Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển,...) để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi về tỉnh làm việc.

- Thiết lập mạng lưới chuyên gia, hiệp hội trí thức người Thanh Hóa ở trong và ngoài nước, kết nối trí thức phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương.

- Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân tài (các chuyên gia, nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số) làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị; quan tâm bố trí cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy, chính quyền các cấp với tỷ lệ phù hợp.

### **7. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số**

*7.1. Xây dựng chiến lược 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số của tỉnh và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng*

- Nâng cấp, bổ sung năng lực hạ tầng kỹ thuật cho các trung tâm dữ liệu của tỉnh; xây dựng, hoàn thiện và cập nhật đầy đủ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của tỉnh phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

- Nâng cao hiệu quả quản trị, năng lực điều hành của các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở thông qua khai thác, ứng dụng dữ liệu số; đặc biệt là khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nhằm tối ưu hóa nguồn lực, cải thiện chất lượng dịch vụ công và đáp ứng nhanh chóng, chính xác yêu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, các cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh; đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Sử dụng hiệu quả các ứng dụng, nền tảng đã được Trung ương đầu tư, chuyển giao; tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa tỉnh với Trung ương.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh trên môi trường số.

- Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định; xây dựng các chỉ số, hệ thống báo cáo quản trị điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên nền tảng công nghệ số. Xây dựng hệ thống trung tâm dữ liệu của tỉnh; ứng dụng giải pháp công nghệ để kết nối, liên thông dữ liệu thông qua các trường dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây.

### *7.2. Chiến lược 05 năm triển khai các nền tảng số*

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp,...) trên nền tảng chung, tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, kết nối đến cấp xã.

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Sản xuất, logistics, thương mại điện tử, đô thị, môi trường, nông nghiệp, giáo dục, y tế, du lịch. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hóa; xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; hình thành cơ sở dữ liệu về văn hóa, các di sản văn hóa số.

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Phổ cập các dịch vụ số thiết yếu cho người dân; hình thành công dân số, mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số; triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, toàn bộ hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; xây dựng các ứng dụng, tiện ích phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị, phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- Xây dựng bộ chỉ tiêu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; bộ tiêu chí đánh giá năng suất lao động và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động hành chính công của tỉnh trên môi trường mạng, gắn với nâng cao năng lực quản trị điều hành cấp tỉnh.

### *7.3. Xây dựng các chương trình, đề án phát triển kinh tế số*

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử,...).

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng thương hiệu số cho các sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến,...; xây dựng sàn thương mại điện tử cấp tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế; triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

- Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

## **8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số**

### *8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân*

- Quán triệt, thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cụ thể hóa trách nhiệm trong tham mưu, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác bảo vệ an ninh mạng, bảo vệ hệ thống thông tin trọng yếu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; xử lý nghiêm theo quy định các trường hợp gây mất an ninh mạng, lộ, lọt, mất bí mật nhà nước, vi phạm dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin; tập trung kiểm soát và xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng. Đầu tư, thuê dịch vụ để bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hạ tầng số của tỉnh, triển khai các biện pháp bảo vệ nhiều lớp, hệ thống giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố, phục hồi hệ thống thông tin.

### 8.2. Tăng cường an ninh mạng

- Đầu tư, nâng cấp Trung tâm An toàn, an ninh mạng tỉnh, bảo đảm các ứng dụng và dữ liệu dùng chung của tỉnh được bảo vệ an toàn trên không gian mạng.

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố của tỉnh; kiện toàn mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng để chủ động ứng phó, phòng ngừa, xử lý kịp thời các sự cố an toàn, an ninh mạng. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, nâng cao năng lực, chất lượng của đội ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng; định kỳ kiểm tra, đánh giá, tổ chức diễn tập phòng chống tấn công mạng cho các hệ thống thông tin quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai kế hoạch ứng phó sự cố, xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng để chủ động ứng phó các tình huống, bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh.

### 8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ); có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng. Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin "Make in Việt Nam".

## 9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

### 9.1. Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận để thúc đẩy việc thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung,...); phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Phối hợp tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng; thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.

- Phối hợp tổ chức các diễn đàn, hội nghị xúc tiến đầu tư, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.



## 9.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các lĩnh vực Tinh có lợi thế. Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ khu vực và quốc tế; từng bước xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ. Chủ động tham gia các diễn đàn, trao đổi học thuật, học tập kinh nghiệm về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Ký kết và triển khai các thoả thuận hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với các đối tác nước ngoài; ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ cao từ nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào địa phương; đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp của tỉnh hợp tác với các đối tác nước ngoài.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước về tỉnh làm việc, hợp tác.

## 10. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá, định kỳ kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ cho các tổ chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của Nhân dân.

## 11. Danh mục các nhiệm vụ cụ thể

- Danh mục các nhiệm vụ giao các Ban của Tỉnh ủy, Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh thực hiện (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

- Danh mục các nhiệm vụ giao Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện (*Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

- Danh mục các nhiệm vụ giao Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ

đạo phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương thực hiện (*Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo*).

Trong quá trình triển khai thực hiện, các nhiệm vụ tại các danh mục nêu trên sẽ được điều chỉnh, bổ sung để đáp ứng các yêu cầu, chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Năm 2025 dự kiến ngân sách tỉnh bố trí khoảng 500 tỉ đồng chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các năm tiếp theo bố trí tăng dần theo yêu cầu phát triển.

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công - tư để huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát, tránh tiêu cực, lãng phí.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh**

- Giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thống nhất việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm tiến độ, chất lượng triển khai các nội dung của Kế hoạch.

- Kịp thời đề xuất, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Chỉ đạo xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm hoặc đột xuất tại các địa phương, cơ quan, đơn vị; chỉ đạo xử lý kịp thời những thiếu sót, chậm trễ trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra.

- Các ủy viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh được giao nhiệm vụ theo lĩnh vực, ngành, địa bàn phụ trách trực tiếp đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra, đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả với Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (qua Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo) định kỳ theo quý, 06 tháng, 01 năm.

- Chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả (định kỳ 03 tháng, 06 tháng, 01 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo Trung ương theo quy định.

##### **2. Trách nhiệm của Thường trực Tỉnh ủy**

- Chỉ đạo, định hướng chung công tác quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này; định kỳ, nghe Ban Chỉ đạo cấp tỉnh báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề phát sinh liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, bảo đảm phù hợp với chỉ đạo, định hướng của Trung ương và tình hình thực tế; xem xét, cho ý kiến theo thẩm quyền đối với các chủ trương, đề án, dự án, các cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát; xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện nhiệm vụ; khen thưởng, biểu dương các điển hình, tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình triển khai thực hiện.

### **3. Trách nhiệm của các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy**

- Căn cứ Kế hoạch này các địa phương, cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị (hoàn thành trước ngày 15/5/2025); tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tổ chức thực hiện, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp, phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện; xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, kết quả cần đạt được và thời hạn hoàn thành đối với từng nhiệm vụ; có phương pháp đánh giá, đo lường kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện nhiệm vụ. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo quy định tại Kế hoạch này; phản ánh những khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

### **4. Trách nhiệm Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh**

- Chỉ đạo triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 268-KH/TU ngày 28/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa.

- Chỉ đạo hiện đại hóa phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng; rà soát, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ công tác Đảng, chuẩn hóa quy trình xử lý công việc, tăng cường xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường số; đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, bảo đảm đồng bộ với cải cách hành chính Nhà nước.

- Chỉ đạo đổi mới công tác tham mưu của các cơ quan giúp việc cho Tỉnh ủy theo hướng hiện đại, minh bạch, dựa trên dữ liệu số; thực hiện số hóa các cơ sở dữ liệu và tích hợp các hệ thống thông tin trong các cơ quan Đảng; triển khai ứng dụng hiệu quả các phần mềm nghiệp vụ, chữ ký số, tăng cường tổ chức hội nghị trực tuyến, phòng họp không giấy tờ,...

## 5. Trách nhiệm của Đảng ủy UBND tỉnh

- Chi đạo UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để triển khai thực hiện<sup>6</sup>. Phân kỳ thực hiện (theo năm, giai đoạn 5 năm), phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm khả thi, hiệu quả. Hằng năm, tham mưu bố trí đủ kinh phí để thực hiện kịp thời các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chi đạo cấp tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản; xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách; đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chi đạo các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại các Phụ lục của Kế hoạch này; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

- Báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chi đạo cấp tỉnh về kết quả triển khai thực hiện, kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu.

## 6. Trách nhiệm của Văn phòng Tỉnh ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy

### 6.1. Văn phòng Tỉnh ủy

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 268-KH/TU ngày 28/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa.

- Thực hiện tốt vai trò Cơ quan Thường trực của Ban Chi đạo cấp tỉnh; kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự có trình độ năng lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với Phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Cơ quan Thường trực.

### 6.2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ ngang tầm với nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tham mưu bố trí cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp theo hướng dẫn, quy định của Trung ương.

<sup>6</sup> Trọng tâm là: Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số trong doanh nghiệp; chuyển đổi số trong các lĩnh vực nông nghiệp, y tế, giáo dục, du lịch,...

- Tham mưu kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực phục vụ nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan Đảng các cấp; nghiên cứu, tham mưu xây dựng chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

- Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Kế hoạch số 268-KH/TU ngày 28/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa.

### 6.3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

- Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này đến các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị trong tỉnh; định hướng các cơ quan truyền thông, báo chí, hệ thống tuyên giáo các cấp đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các nội dung, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và tình hình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 265-KH/TU ngày 24/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Kế hoạch số 268-KH/TU ngày 28/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa. Tham mưu, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền, thay đổi nhận thức của cán bộ, đảng viên, lãnh đạo, quản lý các cấp về sự cần thiết, tính cấp thiết và vai trò của chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh.

### 6.4. Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch số 225-KH/UBKTTW ngày 04/4/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Phối hợp tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy theo quy định.

- Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Kế hoạch số 268-KH/TU ngày 28/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa.

### 6.5. Ban Nội chính Tỉnh ủy

- Theo dõi, tổng hợp tình hình, đề xuất giải pháp đấu tranh với các sai phạm, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quá trình triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

- Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Kế hoạch số 268-KH/TU ngày 28/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa.

### 7. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

- Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị (*hoàn thành trước ngày 15/5/2025*); tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tổ chức thực hiện, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Kế hoạch số 268-KH/TU ngày 28/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa. Hằng năm, xây dựng kế hoạch, bảo đảm nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số trong cơ quan Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện, kịp thời phản ánh những khó khăn, bất cập về Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (qua Văn phòng Tỉnh ủy).

- Phối hợp triển khai Kế hoạch số 265-KH/TU ngày 24/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội,... trong tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

### 8. Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, tăng cường các chuyên mục, phóng sự, tin, bài tuyên truyền, phổ biến về các nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; thông tin đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Trung ương, của Tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo đồng thuận của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

## 9. Chế độ thông tin, báo cáo, công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết

9.1. Chế độ thông tin, báo cáo: Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh định kỳ hằng tháng (trước ngày 20), quý (trước ngày 20 tháng cuối của quý), 6 tháng (trước ngày 15/6), 01 năm (trước ngày 25/11) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (qua Văn phòng Tỉnh ủy) để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo Trung ương theo quy định.

9.2. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát; tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh./. *Chu*

### Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, DMST và chuyển đổi số (b/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng (b/c),
- Đảng ủy Chính phủ (b/c),
- Đảng ủy Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c),
- Các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các ban, sở, ngành, MTTQ, các đoàn thể cấp tỉnh,
- Các doanh nghiệp viễn thông, CNTT,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ



Nguyễn Doãn Anh

(Kèm theo Kế hoạch số 266-KH/HU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)



**PHỤ LỤC I**  
Danh mục các chỉ tiêu cụ thể

| STT      | Nội dung chỉ tiêu  | Đơn vị tính/đo lường | CHỈ TIÊU                    |          |          |          |          |          | Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo       |
|----------|--|----------------------|-----------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|---|
|          |  |                      | Hiện trạng (tháng 3/2025)   | Năm 2025 | Năm 2030 | Năm 2035 | Năm 2040 | Năm 2045 |   |
| <b>I</b> | <b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG</b>  |                      |                             |          |          |          |          |          |   |
| 1        | Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn   | %                    | 5%                          | 60%      | 100%     | 100%     | 100%     | 100%     | Sở Khoa học và Công nghệ                                  |
| 2        | Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn (*)   | %                    | Chỉ tiêu mới, chưa đánh giá | -        | -        | 50%      | 80%      | 100%     | Sở Khoa học và Công nghệ                                  |
| 3        | Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s   | %                    | 20%                         | 60%      | 100%     | 100%     | 100%     | 100%     | Sở Khoa học và Công nghệ                                  |
| 4        | Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống | Trung tâm            | Có                          | Có       | Có       | Có       | Có       | Có       | Công an tỉnh  |
| 5        | Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu, triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia                             | Trung tâm dữ liệu    | Đang triển khai             | 03       | 03       | 03       | 03       | 03       | Văn phòng Tỉnh ủy; Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ |



| II | PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC   |         |                             |      |        |      |        |      |  |
|----|--|---------|-----------------------------|------|--------|------|--------|------|--|
| 6  | Tỷ lệ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số   | %       | 0,61%                       | ≥ 1% | ≥ 1,5% | ≥ 2% | ≥ 2,5% | ≥ 3% | Số Tài chính   |
| 7  | Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản   | %       | 82,7%                       | 85%  | 100%   | 100% | 100%   | 100% | Số Nội vụ  |
| 8  | Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản   | %       | 35,7%                       | 100% | 100%   | 100% | 100%   | 100% | Số Nội vụ  |
| 9  | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành   | %       | 20%                         | 80%  | 100%   | 100% | 100%   | 100% | Số Nội vụ  |
| 10 | Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông   | %       | 20%                         | 80%  | 90%    | 95%  | 97%    | 99%  | Số Y tế; Số Giáo dục và Đào tạo; Số Xây dựng; Bảo hiểm xã hội Khu vực VI             |
| 11 | Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, DMST trên 01 vạn dân  | Người   | 5,5                         | 07   | 12     | 20   | 33     | 54   | Số Khoa học và Công nghệ   |
| 12 | Thu hút được đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”   | Đội ngũ | Đang triển khai             | Có   | Có     | Có   | Có     | Có   | Số Nội vụ  |
| 13 | Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...) (*) | %       | Chỉ tiêu mới, chưa đánh giá | -    | -      | -    | ≥ 80%  | 90%  | Số Y tế; Số Giáo dục và Đào tạo; Số Nội vụ; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực VII |

|   |   |              |                             |       |       |       |       |       |                                 |
|---|---|--------------|-----------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|---------------------------------|
| 14  | Khoa học, công nghệ và đời mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, Xã hội, con người duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) (*) | %            | Chỉ tiêu mới, chưa đánh giá | -     | 0.7   | -     | -     | -     | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| <b>III PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ</b> |   |              |                             |       |       |       |       |       |                                 |
| 15  | Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh   | Doanh nghiệp | 31                          | 32    | 70    | 150   | 250   | 400   | Sở Khoa học và Công nghệ        |
| 16  | Số lượng tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh   | Tổ chức      | 06                          | 06    | 08    | 10    | 12    | 15    | Sở Khoa học và Công nghệ        |
| 17  | Số lượng công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu mỗi năm  | Công trình   | 30                          | 35    | 50    | 80    | 120   | 160   | Sở Khoa học và Công nghệ        |
| 18  | Số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh  | Cán bộ       | 2.000                       | 2.100 | 2.500 | 3.000 | 3.500 | 4.000 | Sở Khoa học và Công nghệ        |
| 19  | Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm   | Nhiệm vụ     | 40                          | 50    | 60    | 80    | 120   | 160   | Sở Khoa học và Công nghệ        |
| 20  | Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu   | %            | 50%                         | 52%   | 60%   | 75%   | 85%   | 95%   | Sở Khoa học và Công nghệ        |
| 21  | Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ mỗi năm   | Đơn đăng ký  | 07                          | 15    | 40    | 80    | 120   | 180   | Sở Khoa học và Công nghệ        |
| 22  | Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ Viện, Trường trong sản xuất/kinh doanh   | %            | Chỉ tiêu mới, chưa đánh giá | -     | 25%   | 40%   | 60%   | 80%   | Sở Khoa học và Công nghệ        |

|  |  |              |                             |     |     |     |     |     |                           |
|--|--|--------------|-----------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|---------------------------|
| 23   | Số lượng bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI) mỗi năm                                     | Bài báo      | 60                          | 100 | 150 | 300 | 500 | 800 | Số Khoa học và Công nghệ  |
| 24   | Số lượng công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực mỗi năm                             | Công trình   | 01                          | 01  | 03  | 05  | 08  | 10  | Số Khoa học và Công nghệ  |
| 25   | Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân | Hệ thống     | Đang triển khai             | Có  | Có  | Có  | Có  | Có  | Các sở, ngành, địa phương |
| 26   | Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình (%)  | %            | Chỉ tiêu mới, chưa đánh giá | -   | 10% | -   | -   | -   | Số Khoa học và Công nghệ  |
| <b>IV PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI ĐỐI MỚI SÁNG TẠO</b> |  |              |                             |     |     |     |     |     |                           |
| 27   | Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo   | Doanh nghiệp | 20                          | 50  | 150 | 300 | 500 | 800 | Số Khoa học và Công nghệ  |
| 28   | Số lượng vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo   | Đơn vị       | 02                          | 03  | 07  | 12  | 18  | 25  | Số Khoa học và Công nghệ  |
| 29   | Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh  | %            | 4%                          | 15% | 30% | 50% | 70% | 90% | Số Khoa học và Công nghệ  |
| 30   | Số lượng sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa mỗi năm   | Sản phẩm     | 05                          | 20  | 60  | 150 | 300 | 500 | Số Khoa học và Công nghệ  |
| 31   | Số lượng dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm  | Dự án        | 05                          | 10  | 30  | 60  | 100 | 150 | Số Khoa học và Công nghệ  |
| 32   | Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh mỗi năm   | Công trình   | 02                          | 03  | 20  | 50  | 100 | 200 | Số Khoa học và Công nghệ  |

|    |  |            |   |     |  |     |       |       |                          |
|----|--|------------|---|-----|--|-----|-------|-------|--------------------------|
| 33 | Số lượng bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo mỗi năm  | Bài báo    | 50  | 100 | 300                                      | 700 | 1.200 | 1.800 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 34 | Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các Viện/Trường.                           | Tỷ lệ      | 2%  | -   | 25%                                      | 40% | 60%   | 80%   | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 35 | Số lượng sáng kiến trong khu vực công được công nhận mỗi năm   | Công trình | 33  | 50  | 70                                       | 120 | 180   | 250   | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 36 | Số lượng dự án khởi nghiệp sáng tạo mỗi năm ( )  | Dự án      | Chi tiêu mới, chưa đánh giá                         | -   | -  | -   | 50-60 | 50-70 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 37 | Số lượng trung tâm đổi mới sáng tạo trong điểm trên địa bàn tỉnh thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư ( ) | Trung tâm  | Chi tiêu mới, chưa đánh giá                         | -   | -  | -   | 15-20 | -     | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 38 | Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu ( )                             | %          | Chi tiêu mới, chưa đánh giá                         | -   | ≥ 50                                     | -   | -     | -     | Sở Công thương           |
| 39 | Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo ( )   | %          | Chi tiêu mới, chưa đánh giá                         | -   | ≥ 40                                     | -   | -     | -     | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 40 | Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ( )   | Thứ bậc    | Thuộc nhóm các tỉnh, thành phố ở mức Trung bình Khá | -   | Thuộc nhóm các tỉnh, thành phố ở mức Khá | -   | -     | -     | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 41 | Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp ( )  | Thứ bậc    | Chi tiêu mới, chưa đánh giá                         | -   | Đạt trên mức trung bình cả nước          | -   | -     | -     | Sở Khoa học và Công nghệ |

|           |   |   |                             |         |         |         |         |         |                          |
|-----------|---|---|-----------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|--------------------------|
| 42        | Chỉ số đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa (PII tỉnh Thanh Hóa)   | Thứ bậc nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước) | 26                          | Nhóm 20 | Nhóm 10 | Nhóm 10 | Nhóm 10 | Nhóm 10 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| <b>IV</b> | <b>PHÁT TRIỂN CHUYÊN ĐỘI SỐ</b>   |   |                             |         |         |         |         |         |                          |
| 43        | Chỉ số chuyên đổi số cấp tỉnh   |   | 0,7314                      | 0.75    | 0.75    | 0.85    | 0.92    | 1,0     | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 44        | Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền | %   | 20,7%                       | 70%     | 100%    | 100%    | 100%    | 100%    | Văn phòng UBND tỉnh      |
| 45        | Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến                     | %   | 25,1%                       | 100%    | 100%    | 100%    | 100%    | 100%    | Văn phòng UBND tỉnh      |
| 46        | Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”  | %   | 22,9%                       | 70%     | 100%    | 100%    | 100%    | 100%    | Văn phòng UBND tỉnh      |
| 47        | Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa  | %   | 19,8%                       | 70%     | 100%    | 100%    | 100%    | 100%    | Văn phòng UBND tỉnh      |
| 48        | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện  | %   | 58,4%                       | 80%     | 100%    | 100%    | 100%    | 100%    | Văn phòng UBND tỉnh      |
| 49        | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến   | %   | 64,7%                       | 70%     | 85%     | 95%     | 100%    | 100%    | Văn phòng UBND tỉnh      |
| 50        | Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử (%)   | %   | Chỉ tiêu mới, chưa đánh giá | -       | 100%    | 100%    | 100%    | 100%    | Văn phòng UBND tỉnh      |

|    |  |   |                             |      |      |      |      |      |  |
|----|--|---|-----------------------------|------|------|------|------|------|--|
| 51 | Ti lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công ( ) | % | 59,3%                       | -    | 80%  | -    | -    | -    | Văn phòng UBND tỉnh                      |
| 52 | Ti lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công ( )                                    | % | 64,5%                       | -    | 80%  | -    | -    | -    | Văn phòng UBND tỉnh                      |
| 53 | Ti lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước          | % | 99,5%                       | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | Văn phòng UBND tỉnh                      |
| 54 | Ti lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử         | % | 100%                        | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | Văn phòng UBND tỉnh                      |
| 55 | Ti lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chi đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử                     | % | 100%                        | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | Văn phòng UBND tỉnh                      |
| 56 | Ti lệ giao dịch không dùng tiền mặt ( )  | % | Chi tiêu mới, chưa đánh giá | -    | ≥ 80 | -    | -    | -    | Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực VII |
| 57 | Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác                       | % | 82%                         | 85%  | 95%  | 100% | 100% | 100% | Các địa phương                           |
| 58 | Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây                                      | % | 2%                          | 40%  | 70%  | 90%  | 100% | 100% | Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh   |
| 59 | Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương  | % | 40%                         | 50%  | 80%  | 100% | 100% | 100% | Các sở, ngành, và các địa phương         |

|    |  |                   |                             |     |     |      |      |      |  |                                  |
|----|--|-------------------|-----------------------------|-----|-----|------|------|------|--|----------------------------------|
| 60 | Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh                | %                 | 26,9%                       | 60% | 85% | 100% | 100% | 100% | 100%   | Các sở, ngành, và các địa phương |
| 61 | Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số   | %                 | 40,3%                       | 45% | 60% | 85%  | 95%  | 100% | Sở Khoa học và Công nghệ   |                                  |
| 62 | Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)   | %                 | 56,3%                       | 60% | 80% | 90%  | 100% | 100% | Công an tỉnh   |                                  |
| 63 | Tỷ lệ người dân có chữ ký số   | %                 | 30,7%                       | 35% | 40% | 45%  | 50%  | 55%  | Các địa phương   |                                  |
| 64 | Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử   | %                 | 90,4%                       | 92% | 95% | 97%  | 100% | 100% | Sở Y tế  |                                  |
| 65 | Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất                   | %                 | 50%                         | 60% | 90% | 100% | 100% | 100% | Cấp ủy, chính quyền các cấp  |                                  |
| 66 | Các cơ quan đảng trong tỉnh hoàn thành tốt mục tiêu của đề án chuyên đổi số trong các cơ quan đảng ( ) | Mức độ hoàn thành | Chi tiêu mới, chưa đánh giá | -   | -   | -    | -    | -    | Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Văn phòng Tỉnh ủy; Cơ quan UBKT Tỉnh ủy; các Ban của Tỉnh ủy |                                  |
| 67 | Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh (IOC)                                       | Có                | Đang triển khai             | Có  | Có  | Có   | Có   | Có   | Sở Khoa học và Công nghệ   |                                  |
| 68 | Các hệ thống thông tin trong hệ thống cấp ủy, chính quyền vận hành thông minh ( )                      | -                 | Chi tiêu mới, chưa đánh giá | -   | -   | -    | -    | -    | Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh   |                                  |

|    |   |        |                             |     |     |     |     |     |   |                           |
|----|---|--------|-----------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|---|---------------------------|
| 69 | Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đăng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công | Có     | Đang triển khai             | Có  | Có  | Có  | Có  | Có  | Có  | Các sở, ngành, địa phương |
| 70 | Quy mô kinh tế số trong GRDP  | %      | 10,7%                       | 15% | 30% | 40% | 45% | 50% | Sở Khoa học và Công nghệ                                    |                           |
| 71 | Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh  | Đô thị | 01                          | 01  | 04  | 06  | 08  | 10  | Sở Xây dựng; các địa phương                                 |                           |
| 72 | Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích (°)   | Có     | Chỉ tiêu mới, chưa đánh giá | -   | -   | -   | -   | -   | Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Bảo hiểm xã hội Khu vực VI |                           |
| 73 | Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, nghiên cứu, du lịch (°)  | Có     | Chỉ tiêu mới, chưa đánh giá | -   | -   | -   | -   | -   | Sở Xây dựng; các địa phương                                 |                           |
| 74 | Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương (°)   | %      | 40%                         | -   | 55% | -   | -   | -   | Sở Khoa học và Công nghệ                                    |                           |



|    |  |  |                             |           |                   |           |           |           |                          |
|----|--|--|-----------------------------|-----------|-------------------|-----------|-----------|-----------|--------------------------|
| 75 | Xếp hạng năng lực cạnh tranh số ( <sup>1</sup> )   | Thứ bậc (trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước) | Chỉ tiêu mới, chưa đánh giá | -         | Nhóm 10           | -         | -         | -         | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 76 | Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành các ngành, kết nối, chia sẻ đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia ( <sup>1</sup> ) | Dữ liệu  | Đang triển khai             | -         | Cơ bản hoàn thành | -         | -         | -         | Công an tỉnh             |
| 77 | Xếp hạng về an toàn thông tin mạng   | Thứ bậc (so với các tỉnh, thành phố)                     | 06                          | $\leq 10$ | $\leq 10$         | $\leq 10$ | $\leq 10$ | $\leq 10$ | Công an tỉnh             |
| 78 | Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các địa phương trong top dẫn đầu  | Doanh nghiệp   | Chỉ tiêu mới, chưa đánh giá | -         | 01                | 03        | 06        | $\geq 10$ | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 79 | Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số  | Số doanh nghiệp/ 1.000 dân                               | 0,16                        | 0,2       | 0,4               | 0,5       | 0,8       | 1,0       | Sở Khoa học và Công nghệ |

**Ghi chú:** (<sup>1</sup>) Các chỉ tiêu mới (cơ quan có thẩm quyền chưa có hướng dẫn đánh giá cụ thể), sẽ đánh giá, bổ sung chỉ tiêu phát triển khi có chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương liên quan.



**Danh mục các nhiệm vụ giao các Ban của Tỉnh ủy, Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy,  
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh thực hiện**

*(Kèm theo Kế hoạch số 206-KH/TTU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

| STT | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì tham mưu                    | Cơ quan phối hợp   | Kết quả                              | Thời gian hoàn thành     |
|-----|---|---|--|--------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Thành lập, kiện toàn Ban Chi đạo cấp tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số  | Ban Tổ chức Tỉnh ủy                         | Sở Khoa học và Công nghệ   | Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy | Đã hoàn thành            |
| 2   | Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng theo Quyết định số 204-QĐ/TTU của Ban Bí thư Trung ương Đảng                               | Văn phòng Tỉnh ủy                           | Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan | Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy   | Tháng 4/2025             |
| 3   | Xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy  | Các cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể | Các sở, ngành, đơn vị liên quan                                      | Kế hoạch                             | Tháng 5/2025             |
| 4   | Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyên đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị | Các cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể | Các sở, ngành, đơn vị liên quan                                      | Kế hoạch công tác                    | Tháng 5/2025 và hàng năm |
| 5   | Bổ trí cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp   | Ban Tổ chức Tỉnh ủy                         | Sở Nội vụ, các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan                      | Phần đầu đạt tỷ lệ 5%                | Thường xuyên             |
| 6   | Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị  | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy           | Các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan                                 | Hội nghị; văn bản hướng dẫn          | Thường xuyên             |

|    |  |                                   |  |                            |               |
|----|--|-----------------------------------|--|----------------------------|---------------|
| 7  | Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội  | Ban Tuyên Giáo và Dân vận Tỉnh ủy | Bảo Thanh Hóa; Đại PTTH tỉnh; các ban, sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan | Chuyên trang, chuyên mục   | Thường xuyên  |
| 8  | Dự án: Số hóa tư liệu, phương thức truyền trên các nền tảng truyền thông hiện đại, đa phương tiện; triển khai các công cụ giám sát, đánh giá đo lường trong công tác tuyên truyền  | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy | Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính                      | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 6/2025  |
| 9  | Rà soát, cập nhật, triển khai khung kiến trúc chuyển đổi số thống nhất trong các cơ quan đảng phù hợp với mô hình chính quyền 2 cấp  | Văn phòng Tỉnh ủy                 | Sở Khoa học và Công nghệ; các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan                 | Quyết định phê duyệt       | Tháng 12/2025 |
| 10 | Dự án: Số hóa các CSDL tài liệu, văn kiện của Đảng bộ tỉnh, tích hợp các hệ thống thông tin; triển khai các phần mềm, nền tảng ứng dụng thông minh kết nối, phân tích, hình thành hệ thống thông tin tổng hợp hỗ trợ ra quyết định, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy     | Văn phòng Tỉnh ủy                 | Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy   | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 12/2025 |
| 11 | Dự án: Số hóa các hồ sơ, thiết lập các quy trình điện tử; triển khai các phần mềm, nền tảng ứng dụng thông minh trong quản lý lĩnh vực Nội chính   | Ban Nội chính Tỉnh ủy             | Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính                      | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 12/2025 |
| 12 | Phối hợp với các đơn vị có chức năng để tổ chức đánh giá, xây dựng hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin; triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt cho các hệ thống thông tin từ tỉnh đến cơ sở. | Văn phòng Tỉnh ủy                 | Các ban Đảng Tỉnh ủy, các Đảng ủy xã, phường                                   | Hoàn thành                 | Tháng 12/2025 |

|    |   |                           |   |                            |               |
|----|---|---------------------------|---|----------------------------|---------------|
| 13 | Đầu tư các trang thiết bị, giải pháp bảo mật hệ thống mạng công nghệ thông tin và nâng cấp phần mềm thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa trên mạng Internet; triển khai đồng bộ toàn diện các giải pháp, công cụ an toàn thông tin, bảo mật, các dịch vụ hệ thống (SOC-SIEM), xác thực đa lớp (OTP),... để bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trên môi trường số       | Văn phòng Tỉnh ủy         | Các ban Đảng Tỉnh ủy; Các sở, ngành, đơn vị liên quan           | Hoàn thành                 | Tháng 9/2026  |
| 14 | Tài cấu trúc, nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu Tỉnh ủy theo mô hình điện toán đám mây   | Văn phòng Tỉnh ủy         | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính                          | Hoàn thành                 | Tháng 12/2026 |
| 15 | Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp  | Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh | Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính       | Kế hoạch                   | Năm 2026      |
| 16 | Dự án: Xây dựng, rà soát và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đảng viên theo mô hình 2 cấp; triển khai các phần mềm, nền tảng ứng dụng thông minh trong quản lý ngành tổ chức Đảng  | Ban Tổ chức Tỉnh ủy       | Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính       | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 12/2027 |
| 17 | Dự án: Số hóa các hồ sơ lưu trữ tại Cơ quan UBKT Tỉnh ủy; thiết lập các quy trình điện tử; triển khai các phần mềm, nền tảng ứng dụng thông minh trong ngành kiểm tra Đảng.   | Ủy Ban Kiểm tra Tỉnh ủy   | Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính       | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 12/2027 |
| 18 | Dự án đầu tư công: Dự án đầu tư, bổ sung, nâng cấp hạ tầng CNTT cho các cơ quan Đảng giai đoạn 2025-2028  | Văn phòng Tỉnh ủy         | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính                          | Hoàn thành                 | Năm 2027      |
| 19 | Phối hợp với các đơn vị thực hiện các giải pháp bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực của Ban Cơ yếu Chính phủ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có thông tin, dữ liệu bí mật nhà nước; sử dụng thiết bị lưu trữ bảo mật, các giải pháp mã hoá và bảo vệ quyền truy cập, bảo đảm an toàn việc trao đổi thông tin, gửi, nhận, lưu trữ, xử lý tài liệu bí mật nhà nước trên môi trường số ở các cấp | Văn phòng Tỉnh ủy         | Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các đơn vị có liên quan |                            | Thường xuyên  |

|    |  |  |  |   |
|----|--|--|--|---|
| 20 | Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số  | Các cấp ủy, chính quyền; Ủy ban MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh | Các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan; cấp ủy, chính quyền cấp xã               | Báo cáo<br><br>Thường xuyên                           |
| 21 | Xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ  | Các cấp ủy, chính quyền; Ủy ban MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh | Các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan; cấp ủy, chính quyền cấp xã               | Văn bản của cơ quan có thẩm quyền<br><br>Thường xuyên |
| 22 | Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương  | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy  | Bảo Thanh Hóa; Đài PTTH tỉnh; các ban, sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan | Bài viết, phóng sự<br><br>Thường xuyên                |
| 23 | Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ lãnh đạo quản lý về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kỹ năng số, kỹ năng sử dụng các ứng dụng; phân tích, khai thác và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan đảng ở tỉnh phục vụ cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy  | Văn phòng Tỉnh ủy; Các cơ quan, đơn vị liên quan                               | Thường xuyên<br><br>Hàng năm                          |
| 24 | Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin các kỹ năng, kiến thức về công nghệ số, an toàn thông tin, quản lý, vận hành hệ thống và các lĩnh vực chuyên môn   | Văn phòng Tỉnh ủy  | Các cơ quan, đơn vị liên quan  | Thường xuyên<br><br>Hàng năm                          |



## PHỤ LỤC III

**Danh mục các nhiệm vụ giao Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện**

*(Kèm theo Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

| STT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì tham mưu                         | Cơ quan phối hợp   | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành             |
|-----|--|--|--|------------------------------------|----------------------------------|
| I   | <b>Công tác lãnh đạo, chỉ đạo</b>  |  |  |                                    |                                  |
| 1   | Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW   | Sở Khoa học và Công nghệ                         | Các sở, ngành, đơn vị liên quan                                    | Kế hoạch của UBND tỉnh             | Tháng 4/2025                     |
| II  | <b>Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông tạo sự đồng thuận và phát huy tính sáng tạo của toàn xã hội</b>  |  |  |                                    |                                  |
| 2   | Ban hành Kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh   | Sở Khoa học và Công nghệ                         | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; các sở, ngành, đơn vị liên quan | Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy | Đã hoàn thành                    |
| 3   | Lễ phát động Phong trào “Bình dân học vụ số”   | UBND tỉnh  | Các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan                               | Kế hoạch của UBND tỉnh             | Tháng 5/2025                     |
| 4   | Xây dựng cảm nang “Bình dân học vụ số” cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, học sinh, sinh viên, doanh nghiệp và người dân...)  | Sở Khoa học và Công nghệ                         | Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh      | Tài liệu hướng dẫn                 | Tháng 5/2025                     |
| 5   | Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia | Sở Nội vụ; các sở, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã | Sở Khoa học và Công nghệ   | Kế hoạch của UBND tỉnh             | - Tháng 8/2025<br>- Thường xuyên |

|     |  |                          |                                 |                            |              |
|-----|--|--------------------------|---------------------------------|----------------------------|--------------|
| III | Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số   |                          |                                 |                            |              |
| 6   | Xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền số phiên bản 4.0 (Chính quyền địa phương 2 cấp)   | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, đơn vị liên quan | Quyết định của UBND tỉnh   | Tháng 7/2025 |
| 7   | Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân tiếp cận chính sách phát triển khoa học - công nghệ, đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ                      | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, đơn vị liên quan | Tờ trình báo cáo UBND tỉnh | Tháng 8/2025 |
| 8   | Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030 (cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCCOP, sản phẩm làng nghề truyền thống...)  | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, đơn vị liên quan | Tờ trình báo cáo UBND tỉnh | Tháng 9/2025 |
| 9   | Xây dựng chính sách đột phá hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (phát triển doanh nghiệp KH&CN; phát triển nhóm nghiên cứu mạnh; các bài báo khoa học (Scopus/ISI); các công trình đạt giải thưởng KH&CN quốc gia/khu vực; các công bố khoa học quốc tế; các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; các sáng chế, giải pháp hữu ích; các bài báo khoa học ứng dụng liên quan DMST,...) | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, đơn vị liên quan | Tờ trình báo cáo UBND tỉnh | Tháng 9/2025 |
| 10  | Chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa  | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, đơn vị liên quan | Tờ trình báo cáo UBND tỉnh | Tháng 9/2025 |

|    |  |  |  |  |               |
|----|--|--|--|--|---------------|
| 11 | Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng  | Công an tỉnh                           | Các sở, ngành, đơn vị liên quan  | Quy chế  | Tháng 9/2025  |
| 12 | Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. | Các sở, ngành cấp tỉnh, các địa phương | Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh; Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ | Hoàn thành nhiệm vụ  | Tháng 9/2025  |
| 13 | Chương trình khung và danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ưu tiên thực hiện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030  | Sở Khoa học và Công nghệ               | Các sở, ngành, đơn vị liên quan  | Chương trình   | Tháng 12/2025 |
| 14 | Xây dựng kế hoạch đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030   | Sở Tài chính                           | Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, đơn vị liên quan                          | Kế hoạch của UBND tỉnh                                       | Tháng 12/2025 |
| 15 | Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh              | Các sở, ngành cấp tỉnh và địa phương   | Văn UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Công an tỉnh   | Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình | Tháng 12/2025 |
| IV | <b>Đầu tư phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>   |  |  |  |               |
| 16 | Dự án: Đầu tư sung máy chủ, hệ thống lưu trữ, các thiết bị công nghệ thông tin phụ trợ để đảm bảo hoạt động kịp thời của chính quyền 2 cấp   | Sở Khoa học và Công nghệ               | Các sở, ngành, đơn vị liên quan  | Quyết định phê duyệt dự án                                   | Tháng 5/2025  |
| 17 | Dự án: Triển khai Nền tảng đào tạo trực tuyến dùng chung cho công tác tập huấn   | Công an tỉnh                           | Các sở, ngành, đơn vị liên quan  | Hoàn thành   | Tháng 5/2025  |



|    |  |                                   |   |  |               |
|----|--|-----------------------------------|---|--|---------------|
| 18 | Dự án: Tăng cường an toàn, an ninh mạng phục vụ kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư và phát triển hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho cơ sở  | Công an tỉnh                      | Các sở, ngành, đơn vị liên quan                                   | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                           | Tháng 5/2025  |
| 19 | Kế hoạch thúc đẩy kinh tế số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt   | Sở Công Thương                    | Các doanh nghiệp, địa phương và các đơn vị liên quan              | Kế hoạch của UBND tỉnh   | Tháng 5/2025  |
| 20 | Dự án: Triển khai giải pháp sinh trắc tại sân bay Sao Vàng tỉnh Thanh Hóa  | Công an tỉnh                      | Sở Xây dựng; Cảng hàng không Thọ Xuân                             | Quyết định phê duyệt dự án                                       | Tháng 6/2025  |
| 21 | Dự án: Triển khai thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị, đánh giá hiệu quả để cải thiện quản lý giao thông, thúc đẩy văn minh đô thị  | Sở Xây dựng                       | UBND cấp xã   | Quyết định phê duyệt dự án                                       | Tháng 8/2025  |
| 22 | Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G trong các khu khu công nghiệp, cụm công nghiệp  | Sở Khoa học và Công nghệ          | Các doanh nghiệp Viễn thông - Công nghệ thông tin; các địa phương | Kế hoạch của UBND tỉnh   | Tháng 10/2025 |
| 23 | Dự án: Ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như: Sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, y tế thông minh, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp,...   | Các sở, ban, ngành                | Sở Khoa học và Công nghệ  | Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh                               | Tháng 11/2025 |
| 24 | Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và số 708/BTTTT-CATT của Bộ Khoa học và Công nghệ; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ. | Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính                            | Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin để kết nối, khai thác dữ liệu | Tháng 11/2025 |

|    |   |  |  |   |               |
|----|---|--|--|---|---------------|
| 25 | Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực theo danh mục đã được công bố   | Các số, ngành cấp tỉnh, các địa phương | Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp Viễn thông - Công nghệ thông tin                  | Lựa chọn và hoàn thành các nền tảng số trên các lĩnh vực            | Tháng 12/2025 |
| 26 | Dự án: Đầu tư, nâng cấp hạ tầng, bổ sung các dịch vụ tích hợp, kết nối, chia sẻ LGSP (trực liên thông văn bản của tỉnh) tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh tại Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2026-2030 | Sở Khoa học và Công nghệ               | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan                            | Quyết định phê duyệt dự án  | Tháng 12/2025 |
| 27 | Dự án: Xây dựng/thuê hạ tầng điện toán đám mây cho cài đặt và lưu trữ dữ liệu của Kho CSDL dùng chung (Big Data, AI)  | Sở Khoa học và Công nghệ               | Các số, ngành, đơn vị liên quan  | Quyết định phê duyệt dự án  | Tháng 3/2026  |
| 28 | Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành để phát triển kinh tế - xã hội.   | Các số, ngành cấp tỉnh                 | Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ   | Hoàn thành các CSDL quốc gia; các CSDL dùng chung của các bộ, ngành | Tháng 6/2026  |
| 29 | Dự án: Xây dựng bộ công cụ sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho các hệ thống hỗ trợ giám sát an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường tại một số vị trí quan trọng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa                  | Trường Đại học Hồng Đức                | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh và các đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án  | Tháng 6/2026  |
| 30 | Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mới dữ liệu   | Các số, ngành cấp tỉnh                 | Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ   | Hoàn thành kết nối  | Tháng 9/2026  |

|    |   |   |   |   |                                   |
|----|---|---|---|---|-----------------------------------|
| 31 | Dự án: Đầu tư, nâng cấp mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ hoạt động của cấp ủy, chính quyền 2 cấp  | Sở Khoa học và Công nghệ  | Các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan                                    | Hoàn thành                                    | Tháng 9/2026                      |
| 32 | Phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm như: Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp (Nghi Sơn, Bim Sơn, Lam Sơn - Sao Vàng, Lễ Môn)   | Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các KCN                           | Các sở, ngành, đơn vị liên quan   | Hoàn thành                                    | Tháng 9/2026                      |
| 33 | Đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu, an ninh mạng của tỉnh đảm bảo kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, phục vụ người dân, doanh nghiệp và công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền | Công an tỉnh  | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các sở, ngành, đơn vị liên quan | Kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia        | Tháng 9/2026                      |
| 34 | Dự án: Dự án tăng cường hạ tầng CNTT cho các sở, ban, ngành và UBND cấp xã giai đoạn 2026-2030  | Sở Khoa học và Công nghệ  | Các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan                                    | Quyết định phê duyệt dự án                    | Tháng 10/2026                     |
| 35 | Xây dựng Đề án thí điểm triển khai bản sao số cho địa phương được lựa chọn để quản lý, phát triển.  | Địa phương được lựa chọn  | Sở Khoa học và Công nghệ  | Quyết định của UBND tỉnh                      | Tháng 9/2027                      |
| 36 | Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh  | Các địa phương có đủ điều kiện  | Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ                                   | - Phê duyệt Đề án;<br>- Hoàn thành triển khai | - Tháng 11/2025<br>- Tháng 9/2028 |
| 37 | Thành lập khu công nghệ cao/khu công nghệ thông tin tập trung   | Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các KCN; Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, đơn vị liên quan   | Quyết định thành lập                          | Tháng 8/2028                      |

|    |  |   |  |                                 |               |
|----|--|---|--|---------------------------------|---------------|
| 38 | Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng  | Các sở, ngành cấp tỉnh, các địa phương  | Sở Khoa học và Công nghệ   | Báo cáo thực hiện               | Thường xuyên  |
| V  | <b>Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia</b>   |   |  |                                 |               |
| 39 | Dự án: Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số,...) cho lãnh đạo các cấp   | Sở Nội vụ;<br>Sở Khoa học và Công nghệ  | Các sở, ngành, đơn vị liên quan  | Quyết định phê duyệt dự án      | Tháng 6/2025  |
| 40 | Đề án mở ngành đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, định hướng đến năm 2045   | Trường Đại học Hồng Đức   | Các sở, ngành, đơn vị liên quan  | Đề án của UBND tỉnh             | Tháng 6/2025  |
| 41 | Đề án chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyên đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù   | Sở Nội vụ   | Các sở, ngành, đơn vị liên quan  | Tờ trình báo cáo UBND tỉnh      | Tháng 10/2025 |
| 42 | Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động số 57-CT/Tr/TU ngày 10/01/2024 về thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới | Sở Nội vụ, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; các sở, ngành, đơn vị liên quan | UBND cấp xã  | Báo cáo của các cơ quan, đơn vị | Thường xuyên  |
| 43 | Kết nối với các tổ chức giáo dục, doanh nghiệp, tập đoàn công nghệ lớn để nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực   | Sở Giáo dục và Đào tạo  | Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan | Báo cáo                         | Thường xuyên  |
| VI | <b>Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển (R&amp;D)</b>  |   |  |                                 |               |

|    |  |                                       |   |  |               |
|----|--|---------------------------------------|---|--|---------------|
| 44 | Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử,...) | Sở Khoa học và Công nghệ              | Sở Tài chính; các sở, ngành, đơn vị liên quan | Kế hoạch của UBND tỉnh                 | Hàng năm      |
| 45 | Kiến toàn Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh  | Sở Khoa học và Công nghệ              | Các sở, ngành, đơn vị liên quan               | Quyết định đầu tư                      | Tháng 8/2025  |
| 46 | Dự án: Đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hoá hệ thống phòng kiểm định kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, an toàn bức xạ hạt nhân   | Sở Khoa học và Công nghệ              | Sở Tài chính và các đơn vị liên quan          | Quyết định phê duyệt dự án             | Tháng 8/2025  |
| 47 | Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP)   | Sở Tài chính                          | Các sở, ngành, đơn vị liên quan               | Kế hoạch của UBND tỉnh                 | Tháng 9/2025  |
| 48 | Đề án thành lập Trung tâm tư vấn, chuyển giao KHCN và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Trường Cao đẳng Nông nghiệp   | Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa | Các sở, ngành, đơn vị liên quan               | Quyết định phê duyệt                   | Tháng 11/2025 |
| 49 | Đề án phát triển Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Hồng Đức   | Trường Đại học Hồng Đức               | Các sở, ngành, đơn vị liên quan               | Quyết định phê duyệt                   | Tháng 11/2025 |
| 50 | Đề án xây dựng Sàn giao dịch công nghệ - thiết bị tính   | Sở Khoa học và Công nghệ              | Các sở, ngành, đơn vị liên quan               | Đề án được phê duyệt                   | Tháng 11/2025 |
| 51 | Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thực hiện khâu đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX  | Sở Khoa học và Công nghệ              | Các sở, ngành, đơn vị liên quan               | Đề án trình UBND tỉnh                  | Tháng 12/2025 |
| 52 | Dự án: Đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Hồng Đức  | Trường Đại học Hồng Đức               | Sở Tài chính và các đơn vị liên quan          | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư | Tháng 3/2026  |

|    |  |   |                                      |   |               |
|----|--|---|--------------------------------------|---|---------------|
| 53 | Dự án: Đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa  | Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa   | Sở Tài chính và các đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                | Tháng 3/2026  |
| 54 | Dự án: Đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa   | Trường Cao đẳng Công nghiệp   | Sở Tài chính và các đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                | Tháng 3/2026  |
| 55 | Dự án: Đầu tư nâng cấp hạ tầng, mua sắm, đồng bộ hóa hạ tầng và thiết bị nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp tại Viện Nông nghiệp Thanh Hóa | Viện Nông nghiệp tỉnh   | Sở Tài chính và các đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                | Tháng 3/2026  |
| 56 | Dự án: Ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá | Sở Khoa học và Công nghệ  | Các sở, ngành, đơn vị liên quan      | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                | Tháng 6/2026  |
| 57 | Đề án: Chuyển giao, ứng dụng kỹ thuật cao, kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh   | Sở Y tế   | Sở Tài chính và các đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                | Tháng 9/2026  |
| 58 | Đề án xây dựng vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo (co-working space) của một số đơn vị tiên năng trên địa bàn tỉnh.   | Sở Khoa học và Công nghệ; Viện Nông nghiệp tỉnh; các Trường đại học, cao đẳng | Các sở, ngành, đơn vị liên quan      | Quyết định phê duyệt                                  | Tháng 10/2026 |
| 59 | Đề án thành lập Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.  | Sở Khoa học và Công nghệ  | Các sở, ngành, đơn vị liên quan      | Đề án trình UBND tỉnh                                 | Tháng 9/2027  |
| 60 | Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.    | Sở Khoa học và Công nghệ  | Các sở, ngành, đơn vị liên quan      | Các bài toán được công bố trên Cổng thông tin điện tử | Hàng năm      |

|     |   |  |  |   |  |
|-----|---|--|--|---|--|
| VII | <b>Đẩy mạnh chuyển đổi số, kinh tế số nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực</b>  |  |  |   |  |
| 61  | Kế hoạch số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai,...   | Công an tỉnh                           | Các sở, ngành, đơn vị liên quan                                | Kế hoạch của UBND tỉnh  | Tháng 5/2025 và thường xuyên           |
| 62  | Dự án: Xây dựng Thư viện số tỉnh Thanh Hóa  | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch        | Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                                      | Tháng 5/2025                           |
| 63  | Dự án: Triển khai triển khai thi điểm Công ký số từ xa tập trung trên nền tảng định danh và xác thực điện tử VNeID là công cụ cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử  | Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, đơn vị liên quan                                | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                                      | Tháng 6/2025                           |
| 64  | Kế hoạch triển khai định danh nhà thuốc trên địa bàn tỉnh   | Công an tỉnh                           | Sở Y tế, các đơn vị liên quan                                  | Kế hoạch  | Tháng 6/2025                           |
| 65  | Kế hoạch triển khai định danh tổ chức, doanh nghiệp và kinh tế hộ gia đình (đăng ký mới) đảm bảo tính hợp pháp, xác thực và minh bạch của danh tính, cần thiết gắn việc đăng ký doanh nghiệp với đăng ký tài khoản định danh tổ chức, đăng ký tài khoản ngân hàng cho tổ chức, doanh nghiệp   | Công an tỉnh                           | Sở Tài chính, các đơn vị liên quan                             | Kế hoạch  | Tháng 6/2025                           |
| 66  | Dự án: (1) Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng suất lao động và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động hành chính công của tỉnh gắn với trả lương theo vị trí việc làm; (2) Xây dựng và triển khai các phương pháp quản trị hiện đại, kết hợp ứng dụng phần mềm đánh giá năng suất, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ trong toàn hệ thống hành chính công của tỉnh | Sở Nội vụ                              | Các sở, ngành, đơn vị liên quan                                | (1) Quyết định ban hành Bộ chỉ tiêu đánh giá CBCS;<br>(2) Phần mềm đánh giá | (1) Tháng 6/2025;<br>(2) Tháng 10/2025 |

|    |   |                                 |  |   |                            |
|----|---|---------------------------------|--|---|----------------------------|
| 67 | Dự án: Triển khai Công điều phối dữ liệu y tế tập trung và Số sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID  | Sở Y tế                         | Công an tỉnh, các sở, ngành, đơn vị liên quan  | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư        | Tháng 6/2025               |
| 68 | Dự án: Rà soát, cập nhật hoàn thiện đầu tư trang thiết bị, phần mềm, cập nhật, số hóa dữ liệu để xây dựng các cơ sở dữ liệu: đất đai, tài nguyên, khoáng sản phục vụ công tác quản lý trên địa bàn tỉnh   | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan    | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư        | Tháng 6/2025               |
| 69 | Xây dựng Kế hoạch triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Công nghiệp sản xuất thông minh, băng biển logistics; đô thị, môi trường, nông nghiệp thông minh, giáo dục, y tế, du lịch, thương mại điện tử.   | Các sở, ban, ngành              | Các đơn vị liên quan                           | Kế hoạch                                      | Tháng 6/2025; thường xuyên |
| 70 | Xây dựng kế hoạch phổ cập các dịch vụ số thiết yếu cho người dân, phối hợp triển khai để mỗi người dân có danh tính điện tử, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số; triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản                          | Công an tỉnh                    | Các đơn vị liên quan                           | Kế hoạch                                      | Tháng 6/2025; thường xuyên |
| 71 | Dự án: Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, công thông tin điện tử, xây dựng bảo tàng số, hệ thống phòng họp không giấy tờ, phòng họp trực tuyến Số Văn hóa, Thể thao và Du lịch   | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án                    | Tháng 7/2025               |
| 72 | Dự án: Xây dựng, nâng cấp, tích hợp hoàn thiện hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu quản lý Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa, kết nối liên thông với các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quốc gia, các sở, ngành trong tỉnh  | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan    | Quyết định phê duyệt dự án                    | Tháng 8/2025               |
| 73 | Dự án: Bổ sung, nâng cấp Hệ thống thông tin giai quyết thủ tục hành chính của tỉnh (hoặc thuê nền tảng Dịch vụ công thể hệ mới) đáp ứng yêu cầu triển khai Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 | Văn phòng UBND tỉnh             | Các sở, ngành, đơn vị liên quan                | Hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC | Tháng 9/2025               |



|    |   |                                     |  |                            |               |
|----|---|-------------------------------------|--|----------------------------|---------------|
| 74 | Thuế dịch vụ triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, kết nối đến cấp xã   | Sở Khoa học và Công nghệ            | Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan                              | Hoàn thành                 | Tháng 10/2025 |
| 75 | Dự án: Mở rộng, nâng cấp hệ thống thông tin phản hồi Thanh Hóa đến cấp xã   | Văn phòng UBND tỉnh                 | Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan             | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 10/2025 |
| 76 | Dự án: Ứng dụng IOT xây dựng hệ thống giám sát mực nước hồ chứa phục vụ cảnh báo thiên tai, giám sát an toàn vận hành hồ chứa; giám sát xâm nhập mặn hỗ trợ công tác vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh | Sở Nông nghiệp và Môi trường        | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các địa phương, đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 10/2025 |
| 77 | Nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho Văn phòng Đảng ủy UBND tỉnh; bổ sung phần hệ Lưu trữ điện tử trong phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại Văn phòng UBND tỉnh                     | Văn phòng UBND tỉnh                 | Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan             | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 11/2025 |
| 78 | Dự án: Xây dựng nền tảng số và tạo lập dữ liệu phục vụ trong công tác quản lý Nhà nước của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch   | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch     | Các cơ quan, đơn vị liên quan  | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 3/2026  |
| 79 | Dự án: Xây dựng phần mềm nền tảng quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp thông minh   | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các địa phương, đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 3/2026  |
| 80 | Triển khai phần mềm trợ lý ảo cho cán bộ, công chức   | Văn phòng UBND tỉnh                 | Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan             | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 3/2026  |

|    |  |                          |  |  |                              |
|----|--|--------------------------|--|--|------------------------------|
| 81 | Triển khai phòng họp không giấy tại Văn phòng UBND tỉnh  | Văn phòng UBND tỉnh      | Số Tài chính; Số Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án             | Tháng 3/2026                 |
| 82 | Dự án: Xây dựng sản thương mại điện tử cấp tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế; triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing   | Số Công Thương           | Số Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan               | Quyết định phê duyệt dự án             | Tháng 3/2026                 |
| 83 | Dự án: Đầu tư, nâng cấp tổng thể Trung tâm dữ liệu và triển khai các phần mềm dùng chung tại Sở Khoa học và Công nghệ để đảm bảo hoạt động của chính quyền 2 cấp.  | Số Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, đơn vị liên quan                              | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư | Tháng 3/2026                 |
| 84 | Dự án: Xây dựng Hệ thống truyền hình trực tuyến kết nối liên thông từ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đến Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các cơ quan trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh   | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh  | Số Khoa học và Công nghệ                                     | Quyết định phê duyệt dự án             | Tháng 3/2026                 |
| 85 | Dự án: (1) Đầu tư trang thiết bị, phần mềm phục vụ các nhiệm vụ chuyển đổi số (quản lý, chi huy, điều hành tác chiến trên cơ sở ứng dụng dữ liệu số, công nghệ số và trên môi trường số); số hóa tài liệu, chuyển nhận văn bản từ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đến Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã và các đơn vị trực thuộc; xây dựng và triển khai phần mềm quản lý hồ sơ điện tử phục vụ công tác chính sách hậu phương quân đội, thương binh, liệt sĩ và người có công do quân đội quản lý, giai đoạn 2025-2030; (2) Ứng dụng phương tiện bay không người lái vào công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh  | Số Khoa học và Công nghệ; Số Tài chính; các đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án             | - Tháng 4/2026<br>- Năm 2026 |
| 86 | Dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia, trí thức Thanh Hóa ở nước ngoài nhằm tiếp cận, phát huy, kết nối hiệu quả và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước; xây dựng phần mềm và CSDL ngăn chặn Ngoại vụ tình Thanh Hóa   | Số Ngoại vụ              | Số Khoa học và Công nghệ; Số Tài chính; các đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án             | Tháng 6/2026                 |

|    |  |                                   |  |                            |                         |
|----|--|-----------------------------------|--|----------------------------|-------------------------|
| 87 | Dự án: Đầu tư trang thiết bị và xây dựng phần mềm và các CSDL ngành Nông nghiệp và Môi trường (làm nghiệp, thú y, tài nguyên nước, trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, tài nguyên khoáng sản,...) | Sở Nông nghiệp và Môi trường      | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các địa phương, đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 6/2026            |
| 88 | Dự án: Xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa   | Sở Nông nghiệp và Môi trường      | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các địa phương, đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 6/2026            |
| 89 | Dự án: Xây dựng phần mềm và CSDL quản lý kho bãi giảng trực tuyến, học liệu số dùng chung; công tuyển sinh trực tuyến  | Sở Giáo dục và Đào tạo            | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các đơn vị liên quan             | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 6/2026            |
| 90 | Triển khai thực hiện Đề án "Lưu trữ tài liệu dữ liệu điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hoá"  | Sở Nội vụ                         | Các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan                                     | Hoàn thành Đề án           | Hoàn thành tháng 6/2026 |
| 91 | Dự án: Xây dựng hệ thống giao ban trực tuyến từ Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đến các đơn vị trực thuộc  | Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính và các đơn vị liên quan           | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 9/2026            |
| 92 | Dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ kiểm tra, giám sát khu vực đường biên, cột mốc, kiểm soát hoạt động của người, phương tiện qua lại khu vực biên giới, vùng biên tỉnh Thanh Hóa                   | Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính và các đơn vị liên quan           | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 9/2026            |

|    |  |   |  |                            |               |
|----|--|---|--|----------------------------|---------------|
| 93 | Dự án: Nâng cấp, bổ sung hệ thống camera phục vụ giám sát, xử lý vi phạm về trật tự ATGT, thống kê lưu lượng, điều tiết giao thông | Công an tỉnh                                | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các địa phương, đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 9/2026  |
| 94 | Dự án: Xây dựng CSDL và phần mềm quản lý về kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh   | Sở Xây dựng                                 | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các địa phương, đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 9/2026  |
| 95 | Dự án: Xây dựng phần mềm và các CSDL quản lý công tác quy hoạch đô thị   | Sở Xây dựng                                 | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các địa phương, đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 9/2026  |
| 96 | Dự án: Xây dựng phần mềm và CSDL tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, an toàn bức xạ hạt nhân.  | Sở Khoa học và Công nghệ                    | Sở Tài chính; các địa phương, đơn vị liên quan                           | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 11/2026 |
| 97 | Đề án xây dựng Cảng logistic thông minh tại Khu Kinh tế Nghi Sơn   | Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các KCN | Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ      | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 11/2026 |
| 98 | Dự án: Xây dựng phần mềm và các CSDL ngành Dân tộc và Tôn giáo   | Sở Dân tộc và Tôn giáo                      | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các địa phương, đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 3/2027  |

|      |  |                                 |   |                            |              |
|------|--|---------------------------------|---|----------------------------|--------------|
| 99   | Dự án: Xây dựng sản giao dịch việc làm; nền tảng hợp đồng lao động điện tử   | Sở Nội vụ                       | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các đơn vị liên quan        | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 3/2027 |
| 100  | Dự án: Xây dựng phần mềm và các CSDL ngành Công thương (quản lý hồ đập thủy điện, cụm công nghiệp,...)   | Sở Công thương                  | Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan                      | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 3/2027 |
| 101  | Dự án: Xây dựng phần mềm quản lý Kế hoạch Thanh tra và tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại tố cáo   | Thanh tra tỉnh                  | Các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan                                | Hoàn thành                 | Tháng 6/2027 |
| 102  | Dự án: Nâng cấp Trang thông tin điện tử thanhha.ho.vn của Di sản Thành Nhà Hồ phục vụ công tác quảng bá, tuyên truyền và phát huy giá trị di sản   | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các đơn vị liên quan        | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 6/2027 |
| 103  | Dự án: Xây dựng và triển khai các sản phẩm số về văn hóa, lịch sử đất và người Thanh Hóa trên không gian mạng; chuyển đổi số trong các lĩnh vực di sản văn hoá và liên kết với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan                                | Hoàn thành                 | Tháng 9/2027 |
| 104  | Dự án: Ứng dụng Công nghệ thông tin nâng cao chất lượng giảng dạy và quản lý giáo dục (giai đoạn 2)  | Sở Giáo dục và Đào tạo          | Các ban, sở, ngành, đơn vị liên quan                                | Hoàn thành                 | Tháng 6/2028 |
| VIII | <b>Tăng cường bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số</b>   |                                 |   |                            |              |
| 105  | Dự án: Đầu tư, thuê dịch vụ để bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hạ tầng số bao gồm việc triển khai các biện pháp để bảo vệ nhiều lớp, giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố, phục hồi hệ thống kịp thời       | Công an tỉnh                    | Doanh nghiệp Viễn thông - Công nghệ thông tin; các đơn vị liên quan | Quyết định phê duyệt dự án | Tháng 6/2026 |

|           |   |                          |  |                           |              |
|-----------|---|--------------------------|--|---------------------------|--------------|
| 106       | Đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin; triển khai thực hiện đầy đủ các hướng dẫn thi hành về bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân   | Công an tỉnh             | Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan | Báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên |
| 107       | Kiểm toàn mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh để chủ động điều phối, ứng phó và phòng ngừa chủ động đối với các sự cố an toàn, an ninh mạng   | Công an tỉnh             | Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan | Quyết định của UBND tỉnh  | Thường xuyên |
| 108       | Thường xuyên triển khai đánh giá mức độ trưởng thành của đội ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng của tỉnh và nâng cao năng lực hoạt động của đội ứng cứu sự cố  | Công an tỉnh             | Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan | Báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên |
| 109       | Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh nhằm tập trung bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh, có khả năng thích ứng một cách chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn, an ninh mạng | Công an tỉnh             | Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan | Kế hoạch của UBND tỉnh    | Hàng năm     |
| <b>IX</b> | <b>Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế để thúc đẩy quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>   |                          |  |                           |              |
| 110       | Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước để thúc đẩy việc thực hiện Kế hoạch (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung,...)  | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị liên quan                  | Báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên |
| 111       | Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ  | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị liên quan                  | Báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên |
| 112       | Tổ chức các diễn đàn, hội nghị xúc tiến đầu tư, hội thảo, hội nghị kết nối giữa Nhà nước - Doanh nghiệp - Viện nghiên cứu - Nhà khoa học - Cộng đồng khởi nghiệp  | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị có liên quan               | Báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên |

|     |   |  |                                  |                                    |              |
|-----|---|--|----------------------------------|------------------------------------|--------------|
| 113 | Chú động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                                     | Sở Khoa học và Công nghệ                                       | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Báo cáo kết quả thực hiện          | Thường xuyên |
| 114 | Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế; ký kết các thỏa thuận hợp tác; triển khai các dự án hợp tác cụ thể  | Sở Khoa học và Công nghệ                                       | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Báo cáo kết quả thực hiện          | Thường xuyên |
| 115 | Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số        | Sở Khoa học và Công nghệ                                       | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Báo cáo kết quả thực hiện          | Thường xuyên |
| X   | <b>Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và tuyên truyền để phát hiện sớm những khó khăn và tháo gỡ các điểm nghẽn trong khoa học, công nghệ và chuyển đổi số</b> |  |                                  |                                    |              |
| 116 | Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                                      | Các ban, sở, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Sở Khoa học và Công nghệ         | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát | Thường xuyên |



**Danh mục các nhiệm vụ giao ĐẢNG ỦY UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo phối hợp với các Bộ ngành, cơ quan Trung ương thực hiện**

*(Kèm theo Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

| STT | Tên nhiệm vụ   | Bộ, ngành chủ trì        | Đơn vị của tỉnh chủ trì phối hợp | Kết quả   | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|--------------------------|----------------------------------|---|----------------------|
| 1   | Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia             |                          |                                  |   |                      |
| 1   | Xây dựng, trình ban hành và tổ chức triển khai tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể.   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ         | Kế hoạch của UBND tỉnh  | Tháng 4/2025         |
| 2   | Xây dựng văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức.                              | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ         | Văn bản tham gia ý kiến   | Tháng 4/2025         |
| 3   | Xây dựng nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ         | Hướng dẫn thực hiện   | Tháng 4/2025         |
| 4   | Rà soát, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm đồng bộ với các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 193/2025/NQ-QH15 của Quốc hội | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ         | Cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh | Tháng 4/2025         |



|    |   |              |              |   |              |
|----|---|--------------|--------------|---|--------------|
| 5  | Điều chỉnh trong dự toán ngân sách năm 2025 để bố trí ít nhất 1% ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (Theo Công văn số 01-CV/VPTW ngày 25/3/2025, của Văn phòng Trung ương Đảng).   | Bộ Tài chính | Sở Tài chính | Thực hiện theo kế hoạch, hướng dẫn của Trung ương | Tháng 5/2025 |
| 6  | Xây dựng, ban hành Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.   | Bộ Nội vụ    | Sở Nội vụ    | Phối hợp thực hiện                                | Tháng 5/2025 |
| 7  | Phát động phong trào thi đua trong toàn quốc để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất. | Bộ Nội vụ    | Sở Nội vụ    | Văn bản hướng dẫn thực hiện                       | Tháng 6/2025 |
| 8  | Xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) theo hướng quy định chính sách đề phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc, cộng đồng, của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị trong đó bao gồm vì mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.  | Bộ Nội vụ    | Sở Nội vụ    | Văn bản tham gia ý kiến                           | Tháng 9/2025 |
| II | <b>Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>   |              |              |   |              |

|    |  |                          |                          |                         |               |
|----|--|--------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------|
| 9  | <p>Sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.</p>  | Bộ Nội vụ                | Sở Nội vụ                | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 02/2025 |
| 10 | <p>Phối hợp sửa đổi Luật Khoa học và Công nghệ (2013) và các luật có liên quan trong dự án xây dựng Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo để (i) Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (ii) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước; (iii) Tập trung nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, thu hút đầu tư ngoài ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>Các Luật có quy định cần được sửa đổi trong văn bản hợp nhất, bao gồm: (i) Sửa đổi một số quy định trong Luật Viên chức; Luật Phòng, chống tham nhũng; để tạo điều kiện thuận lợi cho viên chức được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do viên chức nghiên cứu, trường đại học mà mình đang làm việc thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đồng thời tăng cường bảo vệ và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ, đặc biệt là các sáng chế và công nghệ số; (ii) Sửa đổi một số quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ; Bộ luật Hình sự; Luật Dấu giá tài sản để điều chỉnh các quy định liên quan cho phù hợp với đặc thù và thông lệ quốc tế trong sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; (iii) Sửa đổi một số quy định trong Luật Lao động để miễn giấy phép lao động cho các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của Việt Nam.</p> | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 5/2025  |

|    |   |                          |                          |                         |              |
|----|---|--------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------|
| 11 | Phối hợp xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung các Luật: Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.   | Bộ Tài chính             | Sở Tài chính             | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 5/2025 |
| 12 | Phối hợp xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Luật: Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý thuế.  | Bộ Tài chính             | Sở Tài chính             | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 5/2025 |
| 13 | Phối hợp xây dựng Dự án Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi).  | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 5/2025 |
| 14 | Phối hợp xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 5/2025 |
| 15 | Phối hợp hoàn thiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.  | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 5/2025 |
| 16 | Phối hợp xây dựng quy định cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2025-2030.  | Bộ Tài chính             | Sở Tài chính             | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 5/2025 |
| 17 | Phối hợp bổ sung các chính sách tháo gỡ điểm nghẽn và hoàn thiện Luật Công nghiệp công nghệ số trình Quốc hội thông qua.  | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 5/2025 |
| 18 | Phối hợp xây dựng Luật Nhà giáo, trong đó quy định quyền của nhà giáo được nghiên cứu khoa học và chuyển giao sản phẩm nghiên cứu khoa học; được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do cơ sở giáo dục đại học thành lập, hoạt động trong lĩnh vực phát triển khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. | Bộ Giáo dục và Đào tạo   | Sở Giáo dục và Đào tạo   | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 6/2025 |
| 19 | Phối hợp rà soát, đề xuất sửa đổi pháp luật về cơ yếu và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến cơ yếu để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, kết nối, phân tích, xử lý thông tin từ các trung tâm dữ liệu, phát triển điện toán đám mây và trí tuệ nhân tạo.   | Bộ Quốc phòng            | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh  | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 6/2025 |

|    |  |                          |                          |                         |               |
|----|--|--------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------|
| 20 | Phối hợp xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.  | Bộ Công an               | Công an tỉnh             | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 6/2025  |
| 21 | Phối hợp xây dựng Nghị định quy định về Quy phát triển dữ liệu quốc gia.   | Bộ Công an               | Công an tỉnh             | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 6/2025  |
| 22 | Phối hợp xây dựng Nghị định quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ dữ liệu.   | Bộ Công an               | Công an tỉnh             | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 6/2025  |
| 23 | Phối hợp rà soát, cập nhật Chiến lược dữ liệu quốc gia.  | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 6/2025  |
| 24 | Phối hợp xây dựng Nghị định quy định chính sách học bổng cho người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược.  | Bộ Giáo dục và Đào tạo   | Sở Giáo dục và Đào tạo   | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 7/2025  |
| 25 | Phối hợp xây dựng, sửa đổi các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo  | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 9/2025  |
| 26 | Phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách cho phép doanh nghiệp nhà nước đánh giá tổng thể hiệu quả đầu tư nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.   | Bộ Tài chính             | Sở Tài chính             | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 9/2025  |
| 27 | Phối hợp sửa đổi Nghị định số 80/2020/NĐ-CP về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trong đó nghiên cứu quy định phân cấp, giao quyền tự chủ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập. | Bộ Tài chính             | Sở Tài chính             | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 9/2025  |
| 28 | Phối hợp xây dựng Đề án huy động hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.  | Bộ Công an               | Công an tỉnh             | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 12/2025 |
| 29 | Phối hợp hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi trong cấp thị thực nhập cảnh, cư trú cho chuyên gia, nhà khoa học chất lượng cao.  | Bộ Công an               | Công an tỉnh             | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 12/2025 |

|     |  |                              |                              |                         |              |
|-----|--|------------------------------|------------------------------|-------------------------|--------------|
| III | <b>Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia</b>   |                              |                              |                         |              |
| 30  | Phối hợp tham mưu Chính phủ thành lập Ủy ban dữ liệu quốc gia.   | Bộ Công an                   | Công an tỉnh                 | Phối hợp thực hiện      | Tháng 3/2025 |
| 31  | Phối hợp rà soát, điều chỉnh lại Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030   | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Sở Khoa học và Công nghệ     | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 5/2025 |
| 32  | Phối hợp xây dựng, ban hành Kế hoạch nghiên cứu, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực hành chính công, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số.  | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Sở Khoa học và Công nghệ     | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 5/2025 |
| 33  | Phối hợp xây dựng Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược bao gồm đề án Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm Quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược.   | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Sở Khoa học và Công nghệ     | Văn bản tham gia ý kiến | Tháng 5/2025 |
| 34  | Phối hợp nghiên cứu xu thế chung, kinh nghiệm của một số quốc gia về đất hiếm để nhận định đánh giá cụ thể và định hướng phát triển của Việt Nam; đánh giá trữ lượng, tiềm năng đất hiếm và có kế hoạch bảo đảm khai thác, sử dụng hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; Quản lý chất chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phối hợp thực hiện      | Tháng 6/2025 |
| 35  | Phối hợp xây dựng danh mục, kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực, vùng.  | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Sở Khoa học và Công nghệ     | Phối hợp thực hiện      | Tháng 6/2025 |
| 36  | Phối hợp xây dựng Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số.   | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Sở Khoa học và Công nghệ     | Phối hợp thực hiện      | Tháng 6/2025 |

|    |  |                          |   |                               |               |
|----|--|--------------------------|---|-------------------------------|---------------|
| 37 | Phối hợp xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ                                  | Phối hợp thực hiện            | Tháng 6/2025  |
| 38 | Phối hợp xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số, bảo đảm phủ sóng mạng di động băng thông rộng 5G trên toàn quốc gắn với việc đẩy mạnh triển khai Internet vệ tinh.   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ                                  | Phối hợp thực hiện            | Tháng 6/2025  |
| 39 | Phối hợp Hoàn thành, đưa Trung tâm dữ liệu quốc gia vào vận hành   | Bộ Công an               | Công an tỉnh  | Phối hợp thực hiện            | Tháng 6/2025  |
| 40 | Phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.  | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ                                  | Phối hợp thực hiện            | Tháng 9/2025  |
| 41 | Bổ trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược.   | Bộ Tài Chính             | Sở Tài chính  | Phối hợp thực hiện            | Hàng năm      |
| 42 | Phối hợp rà soát, ban hành mới và tổ chức triển khai hiệu quả các chiến lược đã ban hành về nghiên cứu, ứng dụng, khai thác không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ.   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên  |
| 43 | Phối hợp tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng, khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghiệp chiến lược. | Bộ Công Thương           | Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng | Các báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên  |
| 44 | Phối hợp rà soát các quy định hiện hành để bảo đảm có quy định về ưu đãi đầu tư, thuế, mua các sản phẩm, dịch vụ số.   | Bộ Tài chính             | Sở Tài chính  | Phối hợp thực hiện            | Tháng 9/2025  |
| 45 | Phối hợp nhằm thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.  | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ                                  | Phối hợp thực hiện            | Tháng 12/2025 |

|           |   |                          |                          |  |               |
|-----------|---|--------------------------|--------------------------|--|---------------|
| 46        | Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyên đổi số.   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Tham gia mạng lưới kết nối                               | Tháng 12/2025 |
| 47        | Phối hợp tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá, lựa chọn các sản phẩm, giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để đưa vào ứng dụng trong năm 2025 và công bố trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ những sáng kiến, giải pháp đã được lựa chọn.                               | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sản phẩm, giải pháp được đánh giá, lựa chọn, công bố | Thường xuyên  |
| 48        | Phối hợp phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sản phẩm dịch dữ liệu.   | Bộ Công an               | Công an tỉnh             | Phối hợp thực hiện                                       | Tháng 12/2026 |
| 49        | Phối hợp xây dựng các cơ sở dữ liệu lớn có chủ quyền của Việt Nam. Hình thành ngành công nghiệp dữ liệu lớn của Việt Nam.   | Bộ Công an               | Công an tỉnh             | Phối hợp thực hiện                                       | Tháng 12/2026 |
| 50        | Phối hợp đầu tư trọng điểm để phát triển các tổ chức nghiên cứu mạnh  | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Phối hợp thực hiện                                       | Tháng 12/2026 |
| 51        | Phối hợp đẩy nhanh tiến độ xây dựng các nhà máy điện hạt nhân, bảo đảm nguồn điện bền vững.   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Phối hợp thực hiện                                       | Tháng 12/2030 |
| <b>IV</b> | <b>Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia</b>  |                          |                          |  |               |
| 52        | Phối hợp triển khai Đề án chuyển các cơ sở giáo dục đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực về Bộ GD&ĐT quản lý.  | Bộ Giáo dục và Đào tạo   | Sở Giáo dục và Đào tạo   | Phối hợp thực hiện                                       | Tháng 6/2025  |
| 53        | Phối hợp xây dựng Đề án phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Phối hợp thực hiện                                       | Tháng 9/2025  |

|    |   |                          |                          |                    |               |
|----|---|--------------------------|--------------------------|--------------------|---------------|
| 54 | Phối hợp rà soát, đảm bảo có chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyên đối số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền.   | Bộ Nội vụ                | Sở Nội vụ                | Phối hợp thực hiện | Tháng 9/2025  |
| 55 | Phối hợp xây dựng Đề án rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học, công nghệ công lập; tổ chức đánh giá, sắp nhập, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không hiệu quả để tập trung đầu tư có trọng tâm trọng điểm cho các tổ chức mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Phối hợp thực hiện | Tháng 9/2025  |
| 56 | Phối hợp xây dựng Khung chiến lược giáo dục đại học.  | Bộ Giáo dục và Đào tạo   | Sở Giáo dục và Đào tạo   | Phối hợp thực hiện | Tháng 11/2025 |
| V  | <b>Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh</b>   |                          |                          |                    |               |
| 57 | Phối hợp xây dựng và triển khai chương trình cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.  | Văn phòng Chính phủ      | Văn phòng UBND tỉnh      | Phối hợp thực hiện | Tháng 4/2025  |
| 58 | Phối hợp xây dựng và triển khai giải pháp, công cụ để giám sát các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu Số sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin Số sức khỏe trên VNelD trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh.    | Bộ Y tế                  | Sở Y tế                  | Phối hợp thực hiện | Tháng 4/2025  |
| 59 | Phối hợp xây dựng và triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh.   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Phối hợp thực hiện | Tháng 5/2025  |



|    |   |                                 |                                   |                     |                                     |
|----|---|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------|-------------------------------------|
| 60 | Phối hợp xây dựng và triển khai Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp.   | Văn phòng Chính phủ             | Văn phòng UBND tỉnh               | Phối hợp thực hiện  | Tháng 5/2025                        |
| 61 | Phối hợp xây dựng Chương trình phát triển Chính phủ số.   | Bộ Khoa học và Công nghệ        | Sở Khoa học và Công nghệ          | Phối hợp thực hiện  | Tháng 6/2025                        |
| 62 | Xây dựng Cập nhật Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, chính quyền số và điều chỉnh các hệ thống thông tin theo hướng phù hợp với mô hình tổ chức 2 cấp theo phương án không tổ chức cấp huyện; việc số hóa dữ liệu phục vụ bàn giao, nâng cấp hệ thống thông tin giai quyết thủ tục hành chính để thực hiện được ngay sau khi kết thúc mô hình cấp huyện. | Bộ Khoa học và Công nghệ        | Sở Khoa học và Công nghệ          | Phối hợp thực hiện  | Tháng 6/2025                        |
| 63 | Hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.  | Bộ Công an                      | Công an tỉnh                      | Hướng dẫn thực hiện | Tháng 9/2025                        |
| 64 | Phối hợp xây dựng và triển khai Bộ chỉ số, Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trên hạ tầng của Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo quy định.  | Văn phòng Chính phủ             | Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh | Phối hợp thực hiện  | Tháng 9/2025<br>hoàn thiện hệ thống |
| 65 | Phối hợp triển khai Cổng xuất nhập cảnh tự động ứng dụng các công nghệ tiên tiến tại tất cả các cảng hàng không, sân bay.   | Bộ Công an                      | Công an tỉnh                      | Phối hợp thực hiện  | Tháng 11/2025                       |
| 66 | Phối hợp triển khai thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị, đánh giá hiệu quả để cải thiện quản lý giao thông, thúc đẩy văn minh đô thị.  | Bộ Xây dựng                     | Sở Xây dựng                       | Phối hợp thực hiện  | Tháng 12/2025                       |
| 67 | Phối hợp xây dựng và triển khai bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch   | Phối hợp thực hiện  | Tháng 12/2025                       |

|    |  |                                 |                                       |                    |               |
|----|--|---------------------------------|---------------------------------------|--------------------|---------------|
| 68 | Phối hợp xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hóa.  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch       | Phối hợp thực hiện | Tháng 12/2025 |
| 69 | Phối hợp xây dựng và triển khai nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường.   | Bộ Nông nghiệp và Môi trường    | Sở Nông nghiệp và Môi trường          | Phối hợp thực hiện | Tháng 12/2025 |
| 70 | Phối hợp xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng.  | Bộ Xây dựng                     | Sở Xây dựng                           | Phối hợp thực hiện | Tháng 12/2025 |
| 71 | Phối hợp xây dựng và triển khai Đề án phát triển các nền tảng, sản phẩm quốc gia đảm bảo an toàn, an ninh mạng.  | Bộ Quốc phòng                   | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh | Phối hợp thực hiện | Tháng 12/2025 |
| 72 | Phối hợp xây dựng và triển khai Đề án nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng quốc gia về đảm bảo an toàn, an ninh mạng.   | Bộ Công an                      | Công an tỉnh                          | Phối hợp thực hiện | Tháng 12/2025 |
| 73 | Xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng.   | Bộ Công an                      | Công an tỉnh                          | Phối hợp thực hiện | Tháng 12/2025 |
| 74 | Phối hợp xây dựng và triển khai Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng   | Bộ Công an                      | Công an tỉnh                          | Phối hợp thực hiện | Tháng 12/2025 |
| 75 | Phối hợp hoàn thiện Công Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia trở thành “một cửa số” tập trung, duy nhất của quốc gia” theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cải tiến, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. | Văn phòng Chính phủ             | Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh     | Phối hợp thực hiện | Tháng 12/2025 |
| 76 | Hướng dẫn và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu.   | Bộ Công an                      | Công an tỉnh                          | Văn bản hướng dẫn  | Thường xuyên  |

|           |   |                              |                              |                     |              |
|-----------|---|------------------------------|------------------------------|---------------------|--------------|
| 77        | Phối hợp nghiên cứu, hướng dẫn, triển khai các giải pháp mã hóa, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng.  | Bộ Quốc phòng                | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh      | Văn bản hướng dẫn   | Thường xuyên |
| 78        | Phối hợp xây dựng và triển khai phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trưng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số. | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Sở Khoa học và Công nghệ     | Kế hoạch triển khai | Tháng 6/2026 |
| 79        | Phối hợp xây dựng và triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.   | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phối hợp thực hiện  | Tháng 6/2026 |
| 80        | Phối hợp triển khai một số mạng xã hội Việt Nam, xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh.   | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Sở Khoa học và Công nghệ     | Phối hợp thực hiện  | Tháng 6/2026 |
| 81        | Phối hợp xây dựng và triển khai Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.  | Bộ Dân tộc và Tôn giáo       | Sở Dân tộc và Tôn giáo       | Phối hợp thực hiện  | Tháng 9/2026 |
| 82        | Phối hợp xây dựng và triển khai Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo.   | Bộ Dân tộc và Tôn giáo       | Sở Dân tộc và Tôn giáo       | Phối hợp thực hiện  | Tháng 9/2026 |
| <b>VI</b> | <b>Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp</b>   |                              |                              |                     |              |
| 83        | Phối hợp xây dựng và triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.   | Bộ Tài Chính                 | Sở Tài chính; Sở Công Thương | Phối hợp thực hiện  | Tháng 6/2025 |
| 84        | Phối hợp xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.   | Bộ Tài Chính                 | Sở Tài chính                 | Phối hợp thực hiện  | Tháng 9/2025 |
| 85        | Phối hợp xây dựng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.  | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Sở Khoa học và Công nghệ     | Phối hợp thực hiện  | Tháng 9/2025 |

|            |  |                          |                          |                    |               |
|------------|--|--------------------------|--------------------------|--------------------|---------------|
| 86         | Phối hợp xây dựng, công bố danh mục các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện.   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Phối hợp thực hiện | Tháng 9/2025  |
| 87         | Phối hợp xây dựng và triển khai Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu.   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Phối hợp thực hiện | Tháng 12/2025 |
| 88         | Thường xuyên rà soát, xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực Việt Nam đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại Việt Nam; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam với tỉ lệ 1% - 3% doanh thu. | Bộ Tài chính             | Sở Tài chính             | Phối hợp thực hiện | Thường xuyên  |
| <b>VII</b> | <b>Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>  |                          |                          |                    |               |
| 89         | Phối hợp thiết lập các khuôn khổ đối tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành trọng tâm trong các khuôn khổ đối tác, các tập đoàn công nghệ hàng đầu, nhất là trong lĩnh vực then chốt, đột phá.  | Bộ Ngoại giao            | Sở Ngoại vụ              | Phối hợp thực hiện | Thường xuyên  |
| 90         | Nghiên cứu, chia sẻ các mô hình, kinh nghiệm quốc tế về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (tháo gỡ thể chế, thu hút nguồn lực...).   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Phối hợp thực hiện | Tháng 9/2025  |
| 91         | Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia, trí thức Việt Nam ở nước ngoài, tiếp cận, phát huy, kết nối hiệu quả và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước. Cùng cố, phát triển các hội đoàn chuyên gia, trí thức, doanh nhân người Việt Nam ở nước ngoài.   | Bộ Ngoại giao            | Sở Ngoại vụ              | Phối hợp thực hiện | Thường xuyên  |
| 92         | Phối hợp xây dựng quy định về lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số, chuyển đổi số tại các doanh nghiệp để nghiên cứu, ứng dụng, hợp tác chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước.   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Phối hợp thực hiện | Tháng 12/2025 |
| 93         | Phối hợp xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu quốc gia về đổi mới sáng tạo.   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Phối hợp thực hiện | Thường xuyên  |